TÒA ÁN NHÂN DÂN TPH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **158**/2018/KDTM-PT
Ngày: 30/01/2018
V/v "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TPH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đức Vân Hồng.

Bà Hà Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPH: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 và 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TPH xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2017/TLPT-KDTM ngày 13/10/2017 về việc "tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

Do Bản án sơ thẩm số 996/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân QB, TPH có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2867/2017/QĐ-PT ngày 30/11/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 7371/2017/QĐ-PT ngày 26/12/2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty X.
Trụ sở: 2A ngõ 85 đường HĐ, phường HĐ, quận TX, TPN.
Người đại diện theo pháp luật : Ông ĐTN, chức danh : Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền : Ông H ; Địa chỉ liên hệ : 83/52 Hẻm 83 VLPTHTP, TPH; Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017.

- *Bị đơn*: Công ty S.
Đại diện theo pháp luật: Ông T, chức danh : Giám đốc
Địa chỉ: Số 11Bis T6, QB, TPH.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty X có đơn kháng cáo đề ngày 05/9/2017 (Tòa án nhận đơn ngày 13/9/2017).

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Để xây dựng CC BKL giữa Công ty X (gọi tắt là Công ty X - Bên thi công) với Công ty S (gọi tắt là Công ty S - Bên thuê thi công) đã ký kết và thực hiện các hợp đồng sau:

1. Hợp đồng kinh tế số 804/HĐKT ngày 25/11/2009 (Nguyên đơn ký với Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex); Phụ lục số 03C/PLHĐ ngày 08/01/2010 (Nguyên đơn ký với Công ty S). Hạng mục: Khoan cọc nhồi với giá là 9.459.659.000 đồng; Bản thanh lý hợp đồng số 51/TLHĐKT ngày 24/6/2011 xác nhận nợ gốc 1.054.787.180 đồng thi công khoan cọc nhồi (1) (Nguyên đơn ký với Chi nhánh Công ty S).

2. Hợp đồng kinh tế số 316/HĐKT ngày 15/9/2010 (ký với Chi nhánh Công ty S) để thi công tường vây, với giá là 2.718.144.000 đồng; Bản thanh lý hợp đồng số 52/TLHĐKT ngày 24/6/2011xác nhận nợ gốc 511.420.000 đồng thi công tường vây (2) (Nguyên đơn ký với Chi nhánh Công ty S).

Tổng cộng hai hợp đồng nợ gốc (1)+(2): 1.566.207.180 đồng. Thời hạn thanh toán nợ là 15 ngày kể từ ngày ký thanh lý.

Công ty X đã thi công xong các hạng mục của hợp đồng, công trình đưa vào xử dụng đã hơn 6 năm, thời hạn bảo hành đã hết bị đơn vẫn không thanh toán nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ thi công 1.566.207.180 đồng và lãi chậm thanh toán tiền đến ngày xét xử.

Bản án sơ thẩm số 996/2017/KDTM-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân QB, TPH:

Nhận định:

Hợp đồng ký đúng pháp luật có hiệu lực. Bị đơn đã ký bản khối lượng hoàn thành ngày 18/5/2011, công trình đưa vào xử dụng hơn 6 năm, thời hạn bảo hành đã hết, việc xuất trình giấy bảo lãnh bảo hành không ảnh hưởng nghĩa vụ thanh toán. Công nợ hai hợp đồng 1.566.207.180 đồng theo bảng thanh lý các bên đã ký. Điều 5 các hợp đồng quy định thời hạn thanh toán: chậm nhất khi hết thời hạn bảo hành 12 tháng. Bị đơn vi phạm Điều 5 của hợp đồng và Điều 285, 290 Bộ luật Dân sự 2005 là đã chậm trả tiền. Về số tiền lãi 1.274.501.092 đồng: Căn cứ Điều 8 của hợp đồng, Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định lãi suất nợ quá hạn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì, theo Đơn khởi kiện và trước khi mở phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu 50.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận số tiền lãi này.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X:

Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty X nợ thi công xây dựng số tiền 1.616.207.180 đồng, gồm: 1.054.787.180 đồng phát sinh từ hợp đồng 804/HĐKT ngày 25/11/2009; 511.420.000 đồng phát sinh từ hợp đồng 316/HĐKT ngày 15/9/2010; Và lãi chậm thanh toán là 50.000.000 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất theo mức lãi xuất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời hạn chậm thanh toán.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : 36.324.144 đồng Công ty S chịu.

Hoàn lại cho Công ty X 30.243.108 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AC/2014/0002859 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự QB, TPH.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo giải thích quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/9/2017, nguyên đơn Công ty X kháng cáo một phần về tiền lãi đối với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty X, trình bày:

Nguyên đơn chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi. Đối với nợ gốc 1.566.207.180 đồng, (trong đó nợ 1.054.787.180 đồng theo biên bản thanh lý số 51 ngày 24/6/2011 của Hợp đồng số 804/2009; nợ 511.420.000 đồng theo biên bản thanh lý số 52 ngày 24/6/2011 của Hợp đồng số 316/2010). Chi nhánh bị đơn ký hợp đồng, ký thanh lý hợp đồng có giấy ủy quyền hợp lệ, nguyên đơn không kháng cáo phần này, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về tiền lãi : Bị đơn vi phạm Điều 5 và Điều 8 của hợp đồng, sau khi ký bảng thanh lý hợp đồng không thanh toán nợ, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 10/8/2017, mức lãi suất nợ quá hạn là: 9 %/năm x 150% = 13.5%/năm, tổng số tiền lãi nguyên đơn tính được là: 1.274.501.092 đồng. Việc tính lãi 50.000.000 đồng trước khi xét xử chỉ là tạm tính.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng : Tòa án nhân dân TPH thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về số tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, tại biên bản hòa giải Tòa án đã làm rõ số tiền lãi và được nguyên đơn xác định là chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 50.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đến ngày xét xử số tiền 1.274.501.092 đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, bản án sơ thẩm không chấp nhận là đúng, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về xét xử vắng mặt :

Công ty S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, nên Tòa án chỉ có thể xem xét theo tài liệu của nguyên đơn. Căn cứ:

1. Hợp đồng kinh tế số 804/HĐKT ngày 25/11/2009 và Phụ lục số 03C/PLHĐ ngày 08/01/2010. Bản thanh lý hợp đồng số 51/TLHĐKT ngày 24/6/2011 xác nhận nợ gốc 1.054.787.180 đồng (1) về việc thi công khoan cọc nhồi.

2. Hợp đồng kinh tế số 316/HĐKT ngày 15/9/2010. Bản thanh lý hợp đồng số 52/TLHĐKT ngày 24/6/2011 xác nhận nợ gốc 511.420.000 đồng (2) về việc thi công tường vây.

Tổng cộng hai hợp đồng nợ gốc (1)+(2): 1.566.207.180 đồng với thời hạn thanh toán nợ là 15 ngày kể từ ngày ký thanh lý.

Tài liệu về thanh toán bao gồm các hợp đồng và bảng thanh lý các hợp đồng do Chi nhánh của bị đơn ký kết, theo nguyên đơn đều có ủy quyền hợp lệ của bị đơn cho Chi nhánh thực hiện. Bản án sơ thẩm đã xác định các hợp đồng ký đúng pháp luật có hiệu lực, nợ gốc của 02 hợp đồng tổng cộng 1.566.207.180 đồng trên cơ sở các bản thanh lý hợp đồng nêu ở trên, nên đã buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn và nguyên đơn không có kháng cáo về phần này nên không thuộc phạm vi phúc thẩm xem xét.

Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Đơn khởi kiện ngày 06/10/2016 của Công ty X khởi kiện bị đơn có nội dung về việc thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn đến ngày xét xử của 02 hợp đồng thi công, số tiền lãi ghi trong đơn khởi kiện tạm tính là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 1.274.501.092 đồng nhưng không được chấp nhận nên nguyên đơn chỉ kháng cáo về số tiền lãi.

Về nợ gốc, bản án sơ thẩm đã xác định bị đơn có nợ thi công tại hai hợp đồng theo bảng thanh lý hợp đồng với tổng số tiền 1.566.207.180 đồng, thời hạn thanh toán 15 ngày kể từ ngày 24/6/2011 ký thanh lý hợp đồng. Đến nay bị đơn chưa thanh toán nợ là chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nên phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi xuất nợ quá hạn được các bên thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 8 của hợp đồng, phù hợp Điều 306 của Luật thương mại.

Về nợ lãi, cấp sơ thẩm căn cứ vào ý kiến của đại diện nguyên đơn tại các biên bản trước khi mở phiên tòa là chỉ yêu cầu thanh toán lãi 50.000.000 đồng, và xem đây là tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn để làm căn cứ quyết định về số tiền lãi. Đồng thời cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử số tiền lãi 1.274.501.092 đồng của nguyên đơn tại phiên tòa là vượt quá

phạm vi khởi kiện ban đầu là chưa phù hợp. Bởi lẽ trong đơn khởi kiện của nguyên đơn đã có yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử, sự thay đổi về số tiền lãi không ảnh hưởng đến việc xét xử tại phiên tòa và không vượt quá phạm vi khởi kiện. Nguyên đơn yêu cầu thời gian tính lãi từ ngày 01/8/2011 đến ngày 10/8/2017 (06 năm 09 ngày) mức lãi suất nợ quá hạn là: 9 %/năm x 150% = 13.5%/năm, số tiền lãi tính được là: 1.566.207.180 đồng x 6 năm 09 ngày x 13.5%/năm = 1.270.000.000 đồng (làm tròn) là có căn cứ nên buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là chưa phù hợp nên không chấp nhận như đã nêu trên.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Bị đơn phải chịu án phí tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí được hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty X nợ thi công xây dựng tổng số tiền 2.836.207.180 đồng, (trong đó: nợ gốc 1.054.787.180 đồng của Hợp đồng kinh tế số 804/HĐKT ngày 25/11/2009, nợ gốc 511.420.000 đồng của Hợp đồng kinh tế số 316/HĐKT ngày 15/9/2010, và tiền lãi 1.270.000.000 đồng).

Trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời hạn chậm thanh toán từ thời điểm nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : 88.724.143 đồng Công ty S chịu.

Hoàn lại cho Công ty X 30.243.108 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AC/2014/0002859 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự QB, TPH.

Hoàn lại cho Công ty X tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0019320 ngày 14/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự QB, TPH.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND QB;
- Chi cục THADS QB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà